TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30- 9-2020
V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Quỳ

Bà Đặng Thị Đôi

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Quý Linh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1986; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 4, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 8, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đào Xuân H, sinh năm 1982; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 4, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 8, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07 tháng 7 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Đỗ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Đào Xuân H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 10 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng và đã ly hôn theo Quyết định

công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2013/QĐST-HNST ngày 04 /01/2013 của Tòa án nhân dân huyện K. Sau đó chị N và anh H quay lại chung sống với nhau và đến ngày 31 tháng 10 năm 2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống tại thôn 8, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị N và anh H chung sống hòa thuận hạnh P được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau trong cuộc sống hàng ngày, mặc dù đã được gia đình và địa pH hòa giải nhưng không cải thiện được. Do mâu thuẫn nên chị N và anh H đã sống ly thân từ khoảng đầu tháng 01 năm 2020 cho đến nay, trong quá trình ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung*:* Chị N khai vợ chồng có 02 con chung là Đào Hồng P, sinh ngày 30 tháng 08 năm 2007 và Đào Đông N1, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2016, hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn chị N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị N tự thỏa thuận với anh H nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N khai vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đào Xuân H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai anh H vẫn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị N.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị N và anh Đào Xuân H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị N được ly hôn anh H. Về con chung, giao cháu Đào Hồng P và Đào Đông N1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Đào Xuân H đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh H có mặt tại Toà án trình bày ý kiến của mình về việc chị Đỗ Thị N có đơn xin ly hôn nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Đào Xuân H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị N và anh Đào Xuân H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, trong cuộc sống bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi mắng xúc phạm nhau. Kết quả xác minh tại chính quyền địa pH và gia đình thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H phù hợp với lời khai của chị N. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, anh H không có mặt tại Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N xin ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Đào Hồng P sinh ngày 30 tháng 8 năm 2007 và Đào Đông N1 sinh ngày 10 tháng 12 năm 2016. Trường hợp ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung vì chị có nơi ở và có công việc có thu nhập ổn định. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét hiện nay, chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con từ năm 2016 cho đến nay, các cháu vẫn được chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt, cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh H mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh về điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung như nơi ở, nghề nghiệp, thu nhập hàng tháng....nhưng anh H không cung cấp cho Tòa án. Như vậy xét về mọi mặt, chị N có điều kiện chăm sóc con chung đảm bảo hơn so với anh H, cần chấp nhận đề nghị của chị N, giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết, anh H vắng mặt và chưa có lời khai về tài sản chung vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Đào Xuân H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Đào Hồng P sinh ngày 30 tháng 8 năm 2007 và cháu Đào Đông N1 sinh ngày 10 tháng 12 năm 2016 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đào Hồng P, Đào Đông N1 đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Đào Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0008930 ngày 20/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đào Xuân H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K1, huyện K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang